

NGHỊ QUYẾT

**Quy định kinh phí bảo đảm công tác xây dựng, kiểm tra,
rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật
của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ
chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5
năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong
xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ
thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của
Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định kinh phí bảo đảm công tác xây
dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội
đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà
Nẵng;*

*Xét Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân phường An Hải về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định kinh phí
bảo đảm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản
quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An
Hải; Báo cáo thẩm tra số 248 /BC-BKTNS ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định kinh phí bảo đảm công
tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp
luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số nội dung về kinh phí bảo đảm công tác

xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải nhằm bảo đảm thi hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải.

Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại phường An Hải

1. Tổng mức chi trong xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân phường An Hải

a) Tổng mức chi trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường là 20.000.000 đồng/01 văn bản.

b) Tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường là 15.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Tổng mức chi quy định tại khoản 1 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì thực hiện như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng mức chi bằng mức chi cho xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn

bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng mới, thay thế văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải

Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng mới, thay thế văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Định mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường An Hải được áp dụng bằng mức chi tối đa quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

2. Đối với các nội dung chi không được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP thì được áp dụng bằng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

Điều 6. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện khoán chi

1. Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường do ngân sách phường bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy định về nội dung chi, mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tham gia giám sát

thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường An Hải khóa I, nhiệm kỳ 2026-2031, Kỳ họp thứ 5 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc phường;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Phùng Phú Phong

huyenntt - 23/10/2026 10:43:38 - huyenntt - huyenntt

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC CHI
CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG MỚI, THAY THẾ
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN HẢI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường An Hải)

A. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH UBND		70%	14.000.000	
1	Soạn thảo văn bản		70% tổng định mức chi cho nhiệm vụ soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình UBND	9.800.000	
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, v.v.v.).	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo văn bản	Tối đa 980.000	
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số	Tối đa 60% tổng mức chi soạn thảo văn bản	Tối đa 5.880.000	

		187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo nghị quyết.			
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Tối đa 20% tổng mức chi soạn thảo văn bản	Tối đa 1.960.000	
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo văn bản	Tối đa 980.000	
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo		20% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	2.800.000	
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình UBND		10% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình UBND	1.400.000	
II	NHIỆM VỤ THẨM TRA VÀ TỔNG HỢP, TRÌNH THÔNG QUA DỰ THẢO		30%	6.000.000	
1	Thẩm tra dự thảo		70% tổng định mức chi cho nhiệm vụ thẩm tra và tổng hợp, trình thông qua dự thảo	4.200.000	
2	Tổng hợp, trình thông qua dự thảo		30% tổng định mức chi cho nhiệm vụ thẩm tra và tổng hợp, trình thông qua dự thảo	1.800.000	

B. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		70%	10.500.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, .v.v.).	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo	Tối đa 1.050.000	
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình, Dự thảo quyết định.	Tối đa 60% tổng mức chi soạn thảo	Tối đa 6.300.000	
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Tối đa 20% tổng mức chi soạn thảo	Tối đa 2.100.000	
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến góp ý, thẩm định	Tối đa 10% tổng mức chi soạn thảo	Tối đa 1.050.000	

II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		20%	3.000.000	
1	Tổ chức họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định	Biên bản cuộc họp, ý kiến bằng văn bản hoặc thể hiện trong biên bản cuộc họp	Tối đa 50% tổng mức chi thẩm định	Tối đa 1.500.000	
2	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	Tối đa 100% tổng mức chi thẩm định	Tối đa 3.000.000	
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		10%	1.500.000	